

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Nhân

2. Ông Phạm Thanh Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị M, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn K, xã P, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Triệu Thị M: Bà Lý Ngọc K – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Tồn D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn K, xã P, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Triệu Thị M trình bày: Tôi và anh Đặng Tồn D tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án tuyên bố tôi và anh Đặng Tồn D không phải là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 cháu Đặng Mùi S sinh ngày 11/8/2010; Đặng Tồn K1 sinh ngày 03/10/2012. Khi ly hôn về con chung tôi nhận nuôi cháu S, tôi đồng ý

anh D nuôi cháu K1. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Công việc của tôi hiện nay làm thuê, thu nhập 6.000.000 đồng một tháng đủ để trang trải cuộc sống gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Đặng Tồn D trình bày: Tôi và chị Triệu Thị M tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Chị M đề nghị Tòa án tuyên bố chị M và tôi không phải là vợ chồng. Tôi đồng ý.

Về con chung: Có 02 cháu Đặng Mùi S sinh ngày 11/8/2010; Đặng Tồn K1 sinh ngày 03/10/2012. Khi ly hôn về con chung tôi nhận nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay đi làm thuê thu nhập 7.000.000 đồng một tháng đủ trang trải cuộc sống gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Triệu Thị M đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình. Tuyên bố chị Triệu Thị M và anh Đặng Tồn D không phải là vợ chồng.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Đặng Mùi S sinh ngày 11/8/2010 cho chị Triệu Thị M nuôi dưỡng; giao cháu Đặng Tồn K1 sinh ngày 03/10/2012 cho anh Đặng Tồn D nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị M là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Triệu Thị M.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh D.

Về con chung: Căn cứ Điều 15, điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Đặng Mùi S sinh ngày 11/8/2010 cho chị Triệu Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đặng Tồn K1 sinh ngày 03/10/2012 cho anh Đặng Tồn D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Chị Triệu Thị M là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn; bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị M và anh Đặng Tồn D tự nguyện về chung sống với nhau từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Chị M và anh D đều cho rằng sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Chị M xác định không còn tình cảm với anh D nữa và đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh D không phải là vợ chồng theo quy định pháp luật. Anh D đồng ý.

Để góp phần xây dựng hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ. Luật hôn nhân gia đình quy định: “Việc đăng ký kết hôn phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện ...” và “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Thực tế trong vụ án này chị Triệu Thị M và anh Đặng Tồn D chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Như vậy cần áp dụng những quy định trên để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Tồn D.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Đặng Mùi S sinh ngày 11/8/2010; Đặng Tồn K1 sinh ngày 03/10/2012. Khi ly hôn chị M nhận nuôi cháu S, chị đồng ý anh D nuôi cháu K1, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Còn anh D nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cuộc

sống cho các cháu và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu S cho chị M nuôi dưỡng, giao cháu K1 cho anh D nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Yêu cầu của chị M về nuôi con chung không trái với quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh D đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị M là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Triệu Thị M.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Triệu Thị M là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Tồn D.

2. Về con chung: Có 02 cháu Đặng Mùi S sinh ngày 11/8/2010; Đặng Tồn K1 sinh ngày 03/10/2012.

Xử giao cháu Đặng Mùi S cho chị Triệu Thị M trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Xử giao cháu Đặng Tồn K1 cho anh Đặng Tồn D trực tiếp

chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai
- Các đương sự;
- TGV pháp lý
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng